

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI LĂNG
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 25/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31/12/2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI LĂNG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Bùi Diệu Lương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Tuyết .
2. Ông Nguyễn Ngọc Quốc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Kim Hưng - Thẩm tra viên Tòa án huyện Hải Lăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Phúc Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐXX-ST ngày 26 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị N; sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn Đ; sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2024 nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày: Chị và anh Lê Văn Đ kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Quá trình vợ chồng chung sống thường xảy ra mâu thuẫn do không hòa hợp tính tính. Vợ chồng chị nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Vào đầu tháng 8/2024, chị đã mang theo con trai là Trần Thành Đ2 về sinh sống tại nhà mẹ đẻ ở Quảng Bình. Do không còn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn anh Lê Văn Đ.

Về nuôi con chung: Chị N và anh Đ có hai con chung là cháu Lê Trần Nhật Đ1, sinh ngày 17/5/2016 và cháu Lê Trần Thành Đ2, sinh ngày 22/02/2020. Chị N

có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đ2 và giao cháu Đ1 cho anh Đ nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do công việc không đến tham gia phiên tòa được nên chị N đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Tại bản tự khai ngày 24/10/2024, anh Lê Văn Đ trình bày: Anh và chị Trần Thị N kết hôn vào năm 2015, có đăng ký tại UBND xã Q. Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không đến mức trầm trọng, anh Đ xin được đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình. Về con chung: Anh Đ và chị N có hai con chung là cháu Lê Trần Nhật Đ1, sinh ngày 17/5/2016 và cháu Lê Trần Thành Đ2, sinh ngày 22/02/2020. Trường hợp phải ly hôn, anh Đ có nguyện vọng nuôi cháu Đ1 và giao cháu Đ2 cho chị N nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đến phiên tòa và quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, anh Đ không đến tham gia tố tụng tại các phiên họp, phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự, cụ thể: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý, quan hệ tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng, xác minh, thu thập chứng cứ, thực hiện việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo các phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, tuân thủ quy định của pháp luật về thời hạn thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn hoãn phiên tòa và thực hiện việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát trước khi tham gia phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chị Trần Thị N đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lê Văn Đ chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn không đến tham gia phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không đến phiên tòa và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 cho chị Trần Thị N được ly hôn với anh Lê Văn Đ. Về con chung: Giao cháu Lê Trần Nhật Đ1, sinh ngày 17/5/2016 cho anh Lê Văn Đ nuôi dưỡng. Giao cháu Lê Trần Thành Đ2, sinh ngày 22/02/2020 cho chị Trần Thị N nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên đề nghị không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Sau khi xem xét yêu cầu của nguyên đơn, xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện H, tỉnh Quảng Trị nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa đúng trình tự thủ tục tố tụng cho nguyên đơn chị Trần Thị N và bị đơn anh Lê Văn Đ. Chị N đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Đ hiểu rõ quyền và nghĩa vụ của mình nhưng không đến tham gia tố tụng tại phiên họp và đã được triệu tập hợp lệ đến phiên toà lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Lê Văn Đ kết hôn tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình vào năm 2015. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hòa hợp tính tình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Văn Đ có nguyện vọng đoàn tụ nhưng không tham gia các phiên hòa giải, thiếu thiện chí để khắc phục mâu thuẫn. Chị N vẫn giữ nguyên ý kiến xin ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh Đ đã trầm trọng, không còn khắc phục được, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của chị Trần Thị N xin ly hôn anh Lê Văn Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

[4] Về nuôi con chung: Chị Trần Thị N và anh Lê Văn Đ có hai con chung là cháu Lê Trần Nhật Đ1, sinh ngày 17/5/2016 và cháu Lê Trần Thành Đ2, sinh ngày 22/02/2020. Xét, hiện nay cháu Đ2 đang được chị N trực tiếp nuôi dưỡng, còn cháu Đ1 đang được anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu Đ2. Anh Đ có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu Đ1. Cháu Lê Trần Nhật Đ1 đã có nguyện vọng được sống cùng anh Đ. Vì vậy, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho các cháu cần giao cháu Lê Trần Nhật Đ1 cho anh Đ nuôi dưỡng,

giao cháu Lê Trần Thành Đ2 cho chị N nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Buộc chị Trần Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị N.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N được ly hôn anh Lê Văn Đ.

Về nuôi con chung: Giao cháu Lê Trần Thành Đ2, sinh ngày 22/02/2020 cho chị Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Lê Trần Nhật Đ1, sinh ngày 17/5/2016 cho anh Lê Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp tại biên lai số 0000254 ngày 08/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị. Chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Hải Lăng;
- THADS huyện Hải Lăng;
- UBND xã Quảng Tiên;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, tổ HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Bùi Diệu Lương